

Án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/03/2022

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhung

2. Ông Trần Xuân Viện

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Minh Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 21/03/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 696/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2021 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Y, sinh năm 1994. Có mặt

ĐKKHKT: Tổ 2, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện nay: Tổ 4, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Phạm Duy K, sinh năm 1988. Vắng mặt

ĐKKHKT: Tổ 2, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn chị Trần Thị Y trình bày: chị và anh Phạm Duy K kết hôn với nhau năm 2013 trên cơ sở tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường TL, thành phố TN ngày 05/12/2013 và tổ chức cưới hỏi theo nghi lễ truyền thống của dân tộc. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không chung kinh tế, không có tiếng nói chung, anh K hay đi chơi bạn bè, không có

trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lúc anh K đánh vợ ngay tại nhà ngoại, hai vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không được, hiện nay hai vợ chồng đang sống ly thân, chị Y đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống. Chị Y xác định không còn tình cảm với anh K, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh K để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Hai vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Cẩm C, sinh ngày 16/10/2015. Sau khi ly hôn chị Y có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Phạm Cẩm Châu. Về cấp dưỡng nuôi con, hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Duy K trình bày: Anh và chị Y đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Trong cuộc sống hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Tuy nhiên mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Có một con chung là cháu Phạm Cẩm C, sinh ngày 16/10/2015. Trong trường hợp phải ly hôn, anh đồng ý để chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Cẩm C cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để các đương sự về đoàn tụ với nhau và thỏa thuận với nhau các vấn đề giải quyết trong vụ án. Tuy nhiên, chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh K vẫn mong muốn được đoàn tụ và vắng mặt tại phiên hòa giải lần thứ hai.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn chị Trần Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX cho chị được ly hôn anh Phạm Duy K, giao con chung là cháu Phạm Cẩm C cho chị chăm sóc nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh Phạm Duy K vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành tố

tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 72 của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 147, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị Y được ly hôn với anh Phạm Duy K. Về con chung: Giao con chung cháu Phạm Cẩm C, sinh ngày 16/10/2015 cho chị Y trực nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Trần Thị Y xin ly hôn, nuôi con chung với anh Phạm Duy K, sinh năm 1988, nơi cư trú tổ 2, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Đây là vụ án về tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa cho bị đơn là anh Phạm Duy K nhưng tại phiên tòa anh K vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Y và anh Phạm Duy K đăng ký kết hôn ngày 05/12/2013 tại UBND phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Việc kết hôn là tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép, căn cứ các Điều 9, 10, 11

và Điều 12 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Y và anh Phạm Duy K là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2.2]. Về tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2015 cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng không chung kính tế thường xuyên cãi vã do anh K ham chơi bạn bè, không có trách nhiệm với gia đình mặc dù chị Y đã khuyên bảo, có lúc anh K còn đánh chị Y ngay tại nhà ngoại, hai vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng hai bên vẫn không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020, nay chị Y đã về ngoại sinh sống. Chị Y xác định không còn tình cảm với anh K nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị Y và anh Phạm Duy K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, HĐXX nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Y đối với anh Phạm Duy K là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.3]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Trần Thị Y và anh Phạm Duy K có một con chung là cháu Phạm Cẩm C sinh ngày 16/10/2015, hiện nay cháu C đang ở với chị Y, chị Y đề nghị được nuôi dưỡng chăm sóc cháu C, quá trình giải quyết anh K nhất trí nếu phải ly hôn thì để chị Y nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phạm Cẩm C. Căn cứ Điều 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX thấy rằng cần giao con chung là cháu Phạm Cẩm C, sinh ngày 16/10/2015 cho chị Trần Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi sẽ đảm bảo tốt nhất cho việc chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con khi vợ chồng ly hôn. Anh Phạm Duy K được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: tại phiên tòa chị Y không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Duy K.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu hoặc thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét

2.4. Về án phí: Chị Trần Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 10, 11 và Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 57, Điều 81, 82, và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Y về việc yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Phạm Duy K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Y được ly hôn với anh Phạm Duy K.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Cẩm C, sinh ngày 16/10/2015 cho chị Trần Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Phạm Duy K có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Y không yêu cầu anh Phạm Duy K cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Duy K.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu hoặc thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Hải Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0000643 ngày 28/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND P. Tân Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Duyên

